

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 – ĐỀ 3**MÔN: TIẾNG ANH 5 GLOBAL SUCCESS****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****LỜI GIẢI CHI TIẾT****Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com****I. Listen and number.****Phương pháp giải:**

- Quan sát các bức tranh, nắm được sự khác nhau giữa chúng.
- Nghe kĩ audio, chọn ra thứ tự phù hợp cho các bức tranh dựa vào bài nghe.

Bài nghe:

1.

B: Where will you go this summer?

G: We'll go to Dam Sen Water Park.

2.

B: Who are the main characters in that story?

G: They're the fox and the crow. The fox tricked the crow to get his meat.

3.

B: What did your family do last weekend?

G: We went on a boat trip around Ha Long Bay.

Tạm dịch:

1.

B: Mùa hè này bạn sẽ đi đâu?

G: Chúng tôi sẽ đi Công viên nước Đầm Sen.

2.

B: Ai là nhân vật chính trong câu chuyện đó?

G: Là con cáo và con quạ. Con cáo đã lừa con quạ để lấy miếng thịt của nó.

3.

B: Cuối tuần trước gia đình bạn đã làm gì?

G: Chúng tôi đã đi du thuyền quanh vịnh Hạ Long.

Lời giải chi tiết:

* Phân tích các bức tranh:

A. Một gia đình đang chèo thuyền ở Vịnh Hạ Long.

B. Khung cảnh công viên nước Đầm Sen.

C. Chú cáo và chúa quạ.

1.

Thông tin:

B: Where will you go this summer?

(Mùa hè này bạn sẽ đi đâu?)

G: We'll go to Dam Sen Water Park.

(Chúng tôi sẽ đi Công viên nước Đầm Sen.)

Chọn B

2.

Thông tin:

B: Who are the main characters in that story?

(Ai là nhân vật chính trong câu chuyện đó?)

G: They're the fox and the crow. The fox tricked the crow to get his meat.

(Là con cáo và con quạ. Con cáo đã lừa con quạ để lấy miếng thịt của nó.)

Chọn C

3.

Thông tin:

B: What did your family do last weekend?

(Cuối tuần trước gia đình bạn đã làm gì?)

G: We went on a boat trip around Ha Long Bay.

(Chúng tôi đã đi du thuyền quanh vịnh Hạ Long.)

Chọn A

II. Listen and choose the correct answer.

Phương pháp giải:

- Đọc các câu đề bài cho, gạch chân các từ khoá, cần nắm được sự khác nhau giữa các phương án.
- Nghe và để ý đến những từ khoá.
- Xác định đáp án đúng cho từng câu hỏi.

Bài nghe:

Trúc: Hi Long, where are you going to visit this summer?

Long: I'm going to visit Kuala Lumpur with my family.

Trúc: Kuala Lumpur, the capital city of Malaysia? Cool! What are you going to do there?

Long: First, we're going to visit the Petronas Twin Towers. We're going to take photos at the top.

Trúc: That's a good idea. What else?

Long: We're going to explore Batu Caves and swim next to a waterfall.

Trúc: Amazing! Well, remember to bring me back a souvenir ha ha.

Long: I will. We're going to buy souvenirs at Pavilion KL. It's a huge shopping center.

Trúc: Have fun!

Tạm dịch:

Trúc: Chào Long, hè này bạn định đi đâu chơi vậy?

Long: Mình sẽ đi Kuala Lumpur với gia đình.

Trúc: Kuala Lumpur, thủ đô của Malaysia sao? Tuyệt quá! Vậy bạn sẽ làm gì ở đó?

Long: Đầu tiên, tụi mình sẽ tham quan Tháp đôi Petronas. Tụi mình sẽ chụp ảnh trên đỉnh tháp.

Trúc: Ý hay đó. Còn gì nữa không?

Long: Tụi mình sẽ khám phá động Batu và bơi gần thác nước.

Trúc: Tuyệt vời luôn! Nhớ mua quà lưu niệm cho mình nha ha ha.

Long: Nhất định rồi. Tụi mình sẽ mua quà ở Pavilion KL. Đó là một trung tâm mua sắm rất lớn.

Trúc: Đi chơi vui nha!

Lời giải chi tiết:

1. Long is going to Kuala Lumpur with his _____.

(Long sẽ đến Kuala Lumpur cùng _____ của cậu ấy.)

A. family (gia đình)

B. school (trường học)

C. best friends (bạn thân)

Thông tin:

Long: I'm going to visit Kuala Lumpur with my family.

(Mình sẽ đi Kuala Lumpur với gia đình.)

Chọn A

2. He's going to _____ at the Petronas Twin Towers.

(Câu ấy sẽ _____ ở Tháp đôi Petronas.)

A. have a meal

(ăn một bữa)

B. take photos

(chụp ảnh)

C. visit old buildings

(thăm những ngôi nhà cổ)

Thông tin:

Long: First, we're going to visit the Petronas Twin Towers. We're going to take photos at the top.

(Đầu tiên, tụi mình sẽ tham quan Tháp đôi Petronas. Tụi mình sẽ chụp ảnh trên đỉnh tháp.)

Chọn B

3. He's going to swim _____.

(Câu ấy sẽ đi bơi ở _____.)

A. in the sea

(ở biển)

B. near a waterfall

(gần một thác nước)

C. in the swimming pool

(ở bể bơi)

Thông tin:

Long: We're going to explore Batu Caves and swim next to a waterfall.

(Tụi mình sẽ khám phá động Batu và bơi gần thác nước.)

Chọn B

4. He's going to visit a _____.

(Câu ấy sẽ đi thăm _____.)

A. cave (hang động)

B. mountain (núi)

C. waterfall (thác nước)

Thông tin:

Long: We're going to explore Batu Caves and swim next to a waterfall.

(Tụi mình sẽ khám phá động Batu và bơi gần thác nước.)

Chọn A

5. Truc wants a _____.

(Trúc muốn một _____.)

A. souvenir (món quà lưu niệm)

B. photo (tấm ảnh)

C. postcard (tấm thiệp)

Thông tin:

Truc: Amazing! Well, remember to bring me back a souvenir ha ha.

(Tuyệt vời luôn! Nhớ mua quà lưu niệm cho mình nha ha ha.)

Chọn A

6. Long is going to visit a huge _____.

(Long sẽ đến thăm một _____ lớn.)

A. village (ngôi làng)

B. shopping centre (trung tâm mua sắm)

C. zoo (sở thú)

Thông tin:

Long: I will. We're going to buy souvenirs at Pavilion KL. It's a huge shopping center.

(Nhất định rồi. Tụi mình sẽ mua quà ở Pavilion KL. Đó là một trung tâm mua sắm rất lớn.)

Chọn B

III. Choose the correct answers.

1.

Phương pháp giải:

Dựa vào “want” để xác định được dạng động từ cần điền vào chỗ trống.

Lời giải chi tiết:

Ta có cấu trúc “want + to V” mang nghĩa “muốn làm gì”.

Câu hoàn chỉnh: Where do you want to visit?

(Bạn muốn đến thăm nơi nào?)

Chọn B

2.

Phương pháp giải:

- Dịch nghĩa câu để nắm được ngữ cảnh:

She goes to school _____ foot every day.

(Cô ấy đi _____ đến trường hằng ngày.)

- Dựa vào “foot” để xác định giới từ thích hợp điền vào chỗ trống.

Lời giải chi tiết:

Ta có cụm “go (to somewhere) on foot” có nghĩa “đi bộ (đến đâu đó)”.

Câu hoàn chỉnh: She goes to school **on** foot every day.

(Cô ấy đi bộ đến trường hằng ngày.)

Chọn B

3.

Phương pháp giải:

Dựa vào “weather” để xác định từ để hỏi phù hợp.

Lời giải chi tiết:

A. How's: như thế nào => hợp lí khi dùng để hỏi về thời tiết.

Ngoài ra ta có cấu trúc dùng để hỏi về thời tiết như sau:

How + to be + the weather (+ khoảng thời gian cụ thể, địa điểm,...).

B. What's: cái gì => không hợp lí

C. When's: khi nào => không hợp lí

Câu hoàn chỉnh: **How's** the weather in winter?

(Thời tiết vào mùa đông như thế nào?)

Chọn A

4.

Phương pháp giải:

Dựa vào “are” và “this summer” để xác định được thì của câu này.

Lời giải chi tiết:

Dựa vào “are” và “this summer”, nhận thấy đây là một câu hỏi Wh ở thì tương lai gần với “going to”. Ta có cấu trúc:

WH + are + chủ ngữ số nhiều + going to + động từ nguyên mẫu + tân ngữ.

Câu hoàn chỉnh: Where are you **going to** visit this summer?

(Bạn sẽ đi thăm nơi nào vào mùa hè này?)

Chọn C

5.

Phương pháp giải:

- Dịch câu để nắm được ngữ cảnh:

How does she cook? – She cooks really _____. Chicken is very tasty.

(Cô ấy nấu ăn như thế nào? – Cô ấy nấu ăn rất _____. Món gà rất ngon.)

- Dựa vào vị trí của chỗ trống để xác định được loại từ đúng.

Lời giải chi tiết:

Nhận thấy vị trí của chỗ trống là ở phía sau động từ chính, vậy nên đây phải là một trạng từ bổ nghĩa cho động từ chính này.

A. well (adv): đúng, tốt, hay => hợp lí cả về mặt từ vựng và ngữ pháp

B. good (adj): đúng, tốt, hay => không hợp lí, vì đây là tính từ

C. hard (adv): chăm chỉ => không hợp lí về nghĩa (lưu ý, “hard” cũng có thể là một tính từ)

Câu hoàn chỉnh: How does she cook? – She cooks really **well**. Chicken is very tasty.

(Cô ấy nấu ăn như thế nào? – Cô ấy nấu ăn rất giỏi. Món gà rất ngon.)

Chọn A

IV. Read and choose True or False for each statement.

Bài đọc:

My name is Jenny. These are my friends Ben and Tony. Next week, we will have a birthday party at my house. It will be exciting because many friends will come, and we will have lots of delicious food. We will eat burgers and drink apple juice. Because it will be cold, we will wear jumpers and trousers to stay warm. After the party, we want to visit Ha Noi Opera House. It is a beautiful and famous place in the city, and we can get there by taxi and come back by bus. I am very excited because I have never been there before.

Tạm dịch:

Tên mình là Jenny. Đây là những người bạn của mình – Ben và Tony. Tuần sau, chúng mình sẽ tổ chức một bữa tiệc sinh nhật tại nhà mình. Nó sẽ rất thú vị vì sẽ có nhiều bạn đến, và chúng mình sẽ có rất nhiều món ăn ngon. Chúng mình sẽ ăn bánh mì kẹp thịt và uống nước táo. Vì trời sẽ lạnh nên chúng mình sẽ mặc áo len và quần dài để giữ ấm. Sau bữa tiệc, chúng

mình muốn đi thăm Nhà hát Lớn Hà Nội. Đó là một nơi đẹp và nổi tiếng trong thành phố. Chúng mình có thể đi taxi đến đó và về bằng xe buýt. Mình rất háo hức vì mình chưa từng đến đó bao giờ.

Phương pháp chung:

- Đọc các câu hỏi và phương án, gạch chân các từ khoá.
- Đọc kĩ bài đọc, chú ý đến những ý được gạch chân.
- Chọn True or False cho từng câu.

Lời giải chi tiết:

1. Ben and Tony are Jenny's friends.

(Ben và Tony là bạn của Jenny.)

Thông tin: My name is Jenny. These are my friends Ben and Tony.

(Tên mình là Jenny. Đây là những người bạn của mình – Ben và Tony.)

Chọn True

2. They will eat burgers and drink apple juice at the party.

(Họ sẽ ăn bánh mì kẹp thịt và uống nước ép táo ở bữa tiệc.)

Thông tin: We will eat burgers and drink apple juice.

(Chúng mình sẽ ăn bánh mì kẹp thịt và uống nước táo.)

Chọn True

3. It will be warm next week.

(Tuần sau thời tiết sẽ ấm lên.)

Thông tin: Because it will be cold, we will wear jumpers and trousers to stay warm.

(Vì trời sẽ lạnh nên chúng mình sẽ mặc áo len và quần dài để giữ ấm.)

Chọn False

4. Ha Noi Opera House is a beautiful and famous place in the city.

(Nhà hát lớn Hà Nội là một địa điểm đẹp và nổi tiếng trong thành phố.)

Thông tin: After the party, we want to visit Ha Noi Opera House. It is a beautiful and famous place in the city

(Sau bữa tiệc, chúng mình muốn đi thăm Nhà hát Lớn Hà Nội. Đó là một nơi đẹp và nổi tiếng trong thành phố)

Chọn True

5. They can get to Ha Noi Opera House by bus.

(Họ có thể đến Nhà hát lớn Hà Nội bằng xe buýt.)

Thông tin: It is a beautiful and famous place in the city, and we can get there by taxi and come back by bus.

(Đó là một nơi đẹp và nổi tiếng trong thành phố, chúng mình có thể đi taxi đến đó và về bằng xe buýt.)

Chọn False

V. Rearrange the words/phrases given to make correct sentences.

Phương pháp giải:

- Đọc và dịch những từ/cụm từ được cung cấp, xác định chức năng và vị trí của chúng ở trong câu.
- Áp dụng các cấu trúc câu đã học, sử dụng những từ/cụm từ đã cho để tạo thành những câu đúng.

Lời giải chi tiết:

1. any / places / in / Nha Trang / you / see / interesting / did / ?

- Dựa vào “did” và dấu “?” để nhận biết được đây là một câu hỏi Yes/No ở thì quá khứ đơn.

Ta có cấu trúc: Did + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

- Trong tiếng Anh, tính từ luôn đứng trước danh từ.

Câu hoàn chỉnh: Did you see any interesting places in Nha Trang?

(Bạn có nhìn thấy địa điểm thú vị nào ở Nha Trang không?)

2. branch / a / will / you / buy / peach / of / blossoms / ?

- Dựa vào “Will” và dấu “?” để nhận biết được đây là một câu hỏi Yes/No ở thì tương lai đơn. Ta có cấu trúc:

Will + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

Câu hoàn chỉnh: Will you buy a branch of peach blossoms?

(Bạn sẽ mua cành đào chứ?)

3. Ho Chi Minh City / season / the / dry / it / Is / in / hot / in / ?

Dựa vào “Is” và dấu “?” để nhận biết được đây là một câu hỏi Yes/No ở thì hiện tại đơn với

tính từ. Ta có cấu trúc: Is + chủ ngữ + tính từ + tân ngữ?

Câu hoàn chỉnh: Is it hot in Ho Chi Minh City in the dry season?

(Thời tiết có nóng ở Thành phố Hồ Chí Minh vào mùa khô không?)

4. food / winter / to / gather / he / worked / for / the / hard / .

- Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn với động từ thường:

Chủ ngữ + động từ ở thì quá khứ đơn + tân ngữ.

- To V, nếu là động từ thứ 2 trong câu thì nó thường biểu hiện cho động từ chỉ mục đích.

Câu hoàn chỉnh: He worked hard to gather food for the winter.

(Anh ấy đã làm việc chăm chỉ để tích trữ thức ăn cho mùa đông.)

5. beautiful / and / I / think / is / Huong Pagoda / peaceful / .

Sau “I think” là một mệnh đề, được dùng để bày tỏ suy nghĩ.

Câu hoàn chỉnh: I think Huong Pagoda is beautiful and peaceful.

(Mình nghĩ chùa Hương rất đẹp và yên bình.)